

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

FACTORS AFFECTING THE INTENTIONS OF FOREIGN INVESTORS IN THE KEY ECONOMIC REGIONS OF CENTRAL VIETNAM

Nguyễn Ngọc Anh

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng; ngocanh14204@yahoo.com

Tóm tắt - Bài báo điều tra tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến ý định của nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (KTTĐMT) và đưa ra khuyến nghị để tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Nghiên cứu tiến hành điều tra 250 doanh nghiệp FDI đang hoạt động ở vùng để thu thập và phân tích dữ liệu. Bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy bội, nghiên cứu đã nhận diện các yếu tố và mức độ ảnh hưởng quan trọng của từng yếu tố đến ý định của nhà ĐTNN trong vùng lần lượt như sau: (1) thể chế; (2) lao động; (3) môi trường quốc tế; (4) thị trường; (5) cơ sở hạ tầng (CSHT); (6) tài nguyên; (7) công nghiệp hỗ trợ (CNHT) và công nghệ.

Từ khóa - Thể chế; cơ sở hạ tầng; lao động; vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; FDI.

Abstract - The article investigates the important role of factors affecting the intentions of foreign investors in the key economic regions of Central Vietnam and provides some recommendations to promote the attraction of foreign direct investment (FDI). In this research a survey has been carried out in order to collect data for analysis from 250 FDI entrepreneurs in the regions. By means of exploratory factor analysis (EFA) and multiple regression analysis, the research has identified the factors and their important levels of influence on the intentions of foreign investors in the regions in such an order as follows: (1) institutions; (2) labor forces; (3) international environment; (4) market; (5) infrastructures; (6) natural resources.

Key words - institutions; infrastructures; labor forces; the key economic regions of Central Vietnam; FDI.

1. Đặt vấn đề

FDI đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển ở điểm đến nước chủ nhà, nên chính quyền địa phương rất tích cực thu hút FDI. Tuy nhiên, sự dịch chuyển của nó đến một địa điểm chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau như: động cơ nhà ĐTNN, các lợi thế về chi phí, chất lượng các yếu tố sản xuất, thể chế địa phương nước chủ nhà và môi trường quốc tế. Do đó, việc nghiên cứu động cơ của nhà ĐTNN lựa chọn vùng KTTĐMT để đầu tư, yếu tố nào ảnh hưởng đến ý định của nhà ĐTNN hiện đang hoạt động tại địa phương sẽ là tiền đề quan trọng cho việc hoạch định chính sách thu hút FDI. Bài viết sẽ đề cập: (1) mô hình nghiên cứu lý thuyết; (2) nhận diện và đo lường về các yếu tố ảnh hưởng ý định của nhà ĐTNN; và (3) hàm ý chính sách nhằm tăng cường thu hút FDI.

2. Cơ sở lý thuyết của mô hình nghiên cứu

Dòng chảy FDI vào một địa phương phụ thuộc quyết định địa điểm của nhà ĐTNN. Các nghiên cứu lý thuyết chỉ ra rằng, khi quyết định, nhà đầu tư xem xét cả yếu tố bên cung (lợi thế sở hữu, lợi thế nội bộ hóa của nhà đầu tư như: kinh nghiệm quốc tế, địa phương, sự đa dạng sản phẩm, chiến lược quốc tế, tài sản vô hình, chu kỳ sống sản phẩm) và yếu tố bên cầu (lợi thế địa điểm của nước chủ nhà như: quy mô thị trường, tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự khác biệt văn hóa, chính trị) ảnh hưởng đến hiệu suất FDI. Do đó, khung phân tích đồng thời cả biến số cung, cầu là lý tưởng để nghiên cứu sự xuất hiện dòng chảy FDI tại một địa phương. Nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến dòng chảy FDI vào địa phương được thực hiện theo nhiều cách tiếp cận khác nhau:

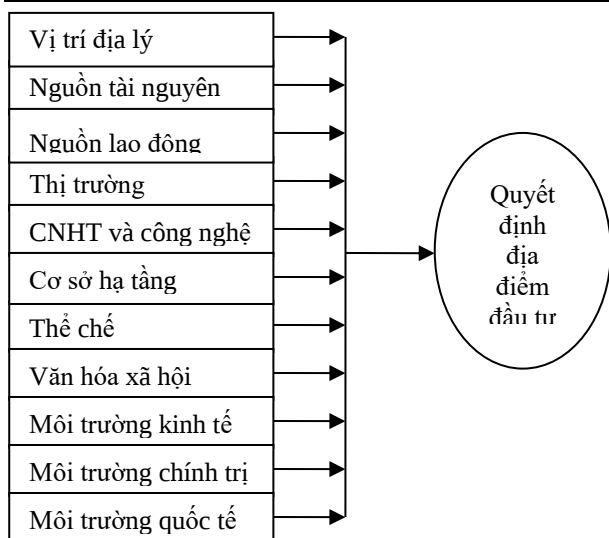
- Hasnah và cộng sự (2010) nghiên cứu tầm quan trọng các yếu tố địa điểm đối với dòng chảy FDI ở Malaysia qua khảo sát 100 doanh nghiệp FDI với thang đo Likert 5 mức

cho 11 nhóm nhân tố với 81 quan sát. Dữ liệu được phân tích thống kê mô tả, đánh giá hệ số Cronbach Alpha, phân tích EFA đã trích rút được 16 yếu tố với 35 quan sát. Sau đó, phân tích hồi quy logistic đã xác định 3 yếu tố hạ tầng kinh tế, nguyên liệu, năng lượng ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê.

- Nguyễn Mạnh Toàn (2010) nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào một địa phương ở Việt Nam thông qua khảo sát 258 doanh nghiệp FDI ở Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và Hà Nội với 8 nhóm nhân tố (nhân lực, tài nguyên, vị trí địa lý, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, ưu đãi và hỗ trợ, lợi thế chi phí, thị trường tiềm năng). Bằng phương pháp thống kê mô tả cho thấy hạ tầng kỹ thuật; sự ưu đãi và hỗ trợ của chính quyền địa phương; chi phí hoạt động thấp là các nhân tố có ảnh hưởng quan trọng hơn các nhân tố khác khi nhà ĐTNN xem xét lựa chọn địa điểm đầu tư tại Việt Nam.

- Lê Tuấn Lộc và Nguyễn Thị Tuyết (2013) nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp FDI Đà Nẵng qua khảo sát 120 doanh nghiệp FDI. Tám nhóm nhân tố (thị trường, chất lượng nguồn lực, chi phí, hạ tầng, sự hình thành cụm ngành, công tác quản lý và hỗ trợ chính quyền địa phương, chính sách ưu đãi, vị trí địa lý và tài nguyên) với 26 quan sát được khảo sát. Bằng phương pháp phân tích EFA, phân tích hồi quy cho thấy mức độ quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng theo thứ tự lần lượt: CSHT, công tác quản lý và hỗ trợ chính quyền địa phương, sự hình thành cụm ngành, chất lượng nguồn lực, vị trí địa lý và tài nguyên.

Như vậy, nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định địa điểm FDI: (1) vị trí địa lý; (2) tài nguyên; (3) lao động; (4) thị trường; (5) CNHT và công nghệ; (6) CSHT; (7) thể chế; (8) môi trường văn hóa xã hội; (9) môi trường kinh tế vĩ mô; (10) môi trường chính trị; (11) môi trường quốc tế (Hình 1).



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư của nhà ĐTNN

Để nhận diện mô hình nghiên cứu phù hợp với Vùng KTTĐMT, nghiên cứu đã kế thừa các quan sát đo lường các yếu tố trong các nghiên cứu thực nghiệm trước đây cùng với việc thảo luận với các chuyên gia trên địa bàn. Kết quả mô hình phân tích được tóm tắt như sau:

- **Vị trí địa lý:** là đặc thù riêng, không thể sao chép, ảnh hưởng đến quyết định địa điểm FDI, bởi nó giúp nhà đầu tư giảm chi phí vận chuyển, dễ dàng tiếp cận thị trường khu vực, toàn cầu, đồng thời kích thích công ty tích tụ để khai thác hiệu quả đầu vào trung gian chung của ngành. Các quan sát đo lường yếu tố này: tiếp cận thị trường khu vực, toàn cầu [4]; chi phí vận chuyển [6]; chi phí đầu tư công trình.

- **Tài nguyên thiên nhiên:** sự sẵn có tài nguyên thiên nhiên, nguồn nguyên liệu giá rẻ là đầu vào quan trọng, nên yếu tố này ảnh hưởng đến ý định lựa chọn địa điểm đầu tư. Các quan sát đo lường yếu tố này: chi phí nguyên liệu [8]; cảnh quan thiên nhiên [14]; chất lượng không khí, nguồn nước [9]; sự sẵn có nguồn nguyên liệu [13].

- **Lao động:** là yếu tố tác động đến chi phí, chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp, nên địa điểm có mức lương thấp, sự sẵn có lao động phổ thông, lao động có kỹ năng cao sẽ hấp dẫn FDI. Các quan sát đo lường yếu tố này: sự sẵn có lao động kỹ thuật, quản lý chất lượng cao [12]; sự sẵn có lao động phổ thông [14]; chi phí lao động [3]; thái độ và tính kỷ luật người lao động [15].

- **Thị trường:** quy mô và tiềm năng thị trường địa phương là yếu tố quan trọng hấp dẫn FDI. Các quan sát đo lường yếu tố này: quy mô thị trường (dân số) [2]; tăng trưởng kinh tế (GDP) [3]; thu nhập của người dân [9]; đặc điểm tiêu dùng người dân [9]; khuynh hướng chi tiêu, đầu tư của chính phủ [17]; mức độ cạnh tranh thị trường [8].

- **CNHT và công nghệ:** sự hiện diện của ngành CNHT, mức độ phát triển của nó tại địa phương tạo ra môi trường hấp dẫn bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh nhờ tiết giảm chi phí vận chuyển yếu tố đầu vào từ nơi khác đến. Các quan sát đo lường yếu tố này: công nghiệp hỗ trợ [5]; đối tác địa phương [15]; trình độ phát triển công nghệ [6].

- **Cơ sở hạ tầng:** hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế là tiện ích cho hoạt động kinh doanh, mức độ phát triển của

chúng ảnh hưởng đến hiệu quả nên rất được quan tâm khi quyết định đầu tư. Các quan sát đo lường yếu tố này: hạ tầng thông tin, truyền thông [15]; hạ tầng giao thông [3]; hạ tầng khu công nghiệp; hệ thống cung cấp điện, nước [14]; hệ thống ngân hàng, kiểm toán [9].

- **Thể chế:** góp phần tiết giảm chi phí giao dịch, thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các tương tác, cải tiến các yếu tố liên quan đến quá trình kinh doanh nên đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến ý định lựa chọn địa điểm đầu tư. Các quan sát đo lường yếu tố này: hệ thống luật pháp liên quan đến hoạt động đầu tư [1]; thông tin minh bạch, rõ ràng, dễ tiếp cận [10]; thủ tục hành chính [14]; chính sách thuế đất, giải phóng mặt bằng [14]; chính sách thuế [6]; sự năng động của người đứng đầu địa phương.

- **Môi trường văn hóa xã hội:** biểu hiện ở trình độ giáo dục, niềm tin và các giá trị đạo đức xã hội, tôn giáo, tập quán, ngôn ngữ và giao tiếp ảnh hưởng đến chất lượng lao động và hoạt động kinh doanh. Các quan sát đo lường yếu tố này: trình độ giáo dục người dân [6]; sự thân thiện người dân [6]; tệ nạn xã hội và tội phạm.

- **Môi trường kinh tế vĩ mô:** biểu hiện ở tăng trưởng kinh tế, khả năng cạnh tranh, sự ổn định kinh tế vĩ mô hay độ mở của nền kinh tế, là yếu tố quan trọng hấp dẫn FDI. Các quan sát đo lường yếu tố này: tăng trưởng kinh tế quốc gia [8]; lạm phát [8]; tỷ suất sinh lợi trên vốn đầu tư [8]; sự cởi mở của nền kinh tế [16].

- **Môi trường chính trị:** biểu hiện ở sự ổn định chính trị, hệ thống chính trị ủng hộ quyền sở hữu FDI, đạo đức quan chức chính phủ (tham nhũng phổ biến gây khó khăn cho doanh nghiệp) ảnh hưởng đến sự dịch chuyển FDI. Quan sát đo lường yếu tố này: mức độ tham nhũng [17]; chính trị trong nước [7]; hệ thống an ninh trong nước [6].

- **Môi trường quốc tế:** các sự kiện quốc tế như khủng hoảng kinh tế, chính trị hay xu hướng lan tỏa FDI khiến dòng vốn FDI dịch chuyển từ khu vực này sang khu vực khác. Quan sát đo lường yếu tố này: khủng hoảng kinh tế thế giới [11]; khuynh hướng dịch chuyển FDI đến nền kinh tế chuyển đổi [11]; khuynh hướng dịch chuyển FDI từ Trung Quốc đến Đông Nam Á.

- **Ý định đầu tư:** sự thuận lợi của địa điểm thúc đẩy nhà ĐTNN bỏ vốn đầu tư. Vì thế, khi nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI của địa điểm, tùy thuộc vào dữ liệu, phương pháp nghiên cứu mà biến phụ thuộc được lựa chọn là giá trị vốn FDI đăng ký, thực hiện, hoặc quyết định, ý định đầu tư. Trong nghiên cứu này, để phù hợp với dữ liệu, phương pháp nghiên cứu, biến phụ thuộc được lựa chọn là ý định đầu tư. Đây được hiểu là các nhân tố động cơ có ảnh hưởng đến hành vi của mỗi cá nhân. Các nhân tố này cho thấy mức độ sẵn sàng hoặc nỗ lực mà mỗi cá nhân bỏ ra để thực hiện hành vi và được đo bằng 4 quan sát: sẽ bỏ vốn đầu tư nếu chưa đầu tư; sẽ tiếp tục duy trì đầu tư; sẽ tăng vốn mở rộng đầu tư; sẽ giới thiệu nhà đầu tư khác đầu tư.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả nghiên cứu sơ bộ

Mô hình nghiên cứu với 12 thang đo nháp và 48 quan sát được đưa vào bảng câu hỏi khảo sát theo thang đo Likert 5 mức, trong đó, với “1” hoàn toàn không đồng ý, “3” bình

thường và “5” hoàn toàn đồng ý để khảo sát sơ bộ 50 doanh nghiệp FDI hoạt động tại Đà Nẵng. Kết quả phân tích sơ bộ hệ số Cronbach Alpha và phân tích EFA đã loại thang đo vị trí địa lý (3 quan sát), 1 quan sát (thông tin minh bạch, dễ tiếp cận) ở thang đo thể chế, 1 quan sát (Việt Nam có quan hệ với nhiều nước trên thế giới) ở thang đo môi trường kinh tế vĩ mô không phù hợp. Như vậy, chỉ có 11 thang đo với 43 quan sát thỏa mãn điều kiện để sử dụng trong nghiên cứu chính thức.

3.2. Kết quả nghiên cứu chính thức

Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng cách điều tra 250 phiếu (244 phiếu hợp lệ) tại 250 doanh nghiệp FDI trong vùng, trong đó, Đà Nẵng, Huế, Quảng Nam, Bình Định, Quảng Ngãi chiếm lần lượt: 56,6%, 17,6%, 13,9%, 7,4%, 4,5% phiếu trả lời. Người trả lời chủ yếu là giám đốc, phó giám đốc, CEO và loại hình doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm 82,8%. Nhìn chung, giá trị trung bình các thang đo được đánh giá khá cao, cao nhất là thang đo tài nguyên (3,46), thấp nhất là thang đo CSHT (3,01), quan sát (cảnh quan thiên nhiên) được đánh giá cao nhất có giá trị trung bình 3,64, thấp nhất là hạ tầng giao thông có giá trị trung bình 2,78. Độ lệch chuẩn bình quân các thang đo khá cao, thấp nhất là thang đo lao động (1,03), cao nhất là thang đo CNHT và công nghệ (1,12).

3.2.1. Kiểm tra hệ số tin cậy Cronbach Alpha

Kết quả phân tích cho thấy, hệ số Cronbach Alpha của các thang đo tài nguyên, lao động, thị trường, CNHT và công nghệ, CSHT, thể chế, môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường chính trị, môi trường quốc tế, và ý định đầu tư lần lượt: 0,879; 0,875; 0,875; 0,842; 0,859; 0,875; 0,848; 0,738; 0,836; 0,917 ($\geq 0,6$), hệ số tương quan biến tổng của các biến trong các thang đo này lớn hơn 0,3, phù hợp để phân tích EFA. Riêng thang đo văn hóa xã hội, hệ số tin cậy là 0,537 ($<0,6$), biến trình độ giáo dục của thang đo này có hệ số tương quan biến tổng là 0,280, loại biến này và thang đo có hệ số tin cậy là 0,624 ($>0,6$).

3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá

Phân tích EFA cùng lúc 10 thang đo với 38 biến độc lập bằng phương pháp trích Principal Axis Factoring và phép xoay Promax, kết quả EFA lần sau cùng cho thấy, hệ số KMO = 0,877, kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig = 0,000), có 8 yếu tố được trích tại Eigenvalue 1,374, tổng phương sai trích 72,484%. Tám yếu tố với 32 quan sát được trích đó là: tài nguyên (4 quan sát); lao động (4 quan sát); thị trường (5 quan sát); CNHT và công nghệ (3 quan sát); CSHT (5 quan sát); thể chế (5 quan sát); môi trường kinh tế vĩ mô (3 quan sát); môi trường quốc tế (3 quan sát). Phân tích EFA thang đo ý định đầu tư cho thấy 4 quan sát rút thành 1 nhân tố tại Eigenvalue 3,215, hệ số KMO = 0,836, kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig = 0.000), tổng phương sai trích là 80,385%.

3.2.3. Phân tích hồi quy bội

Phương trình hồi quy bội có dạng:
$$K = \beta_0 + \beta_1 \cdot RES + \beta_2 \cdot LAB + \beta_3 \cdot MAR + \beta_4 \cdot SUP + \beta_5 \cdot INF + \beta_6 \cdot INS + \beta_7 \cdot ECO + \beta_8 \cdot GLO$$
Trong đó, K là biến phụ thuộc thể hiện ý định của nhà ĐTN; $\beta_0, \beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7, \beta_8$ là hệ số hồi quy;

RES, LAB, MAR, SUP, INF, INS, ECO, GLO là các biến độc lập theo thứ tự: tài nguyên; lao động; thị trường; CNHT và công nghệ; CSHT; thể chế; môi trường kinh tế vĩ mô; môi trường quốc tế. Các biến đưa vào phân tích hồi quy được tính bằng trung bình cộng các quan sát thuộc nhân tố đó.

Bảng 1. Kết quả hồi quy

	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa (Beta)	Giá trị (t)	Mức ý nghĩa (Sig.)	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn				Tolerance	VIF
Constant	-,969	,210		-4,61	,000		
RES	,115	,048	,112	2,41	,017	,640	1,564
LAB	,235	,051	,216	4,57	,000	,624	1,602
MAR	,190	,051	,170	3,71	,000	,663	1,509
SUP	,108	,044	,111	2,45	,015	,680	1,471
INF	,125	,049	,116	2,57	,011	,686	1,458
INS	,283	,054	,253	5,25	,000	,598	1,673
ECO	,072	,039	,072	1,86	,065	,930	1,076
GLO	,176	,042	,178	4,18	,000	,765	1,307

Kết quả phân tích hồi quy (Bảng 1) cho thấy, 6 biến có ý nghĩa thống kê: tài nguyên; lao động; thị trường; CNHT và công nghệ; CSHT; thể chế; môi trường quốc tế với độ tin cậy 95% và biến môi trường kinh tế vĩ mô không có ý nghĩa thống kê. Hệ số R² hiệu chỉnh là 0,662 chứng tỏ các biến đưa vào mô hình giải thích 66,2% sự biến thiên của ý định đầu tư. Các kiểm định tính phù hợp của mô hình, hiện tượng đa cộng tuyến và tính ổn định phương sai của các sai số không bị vi phạm. Mô hình dự đoán tầm quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng đến ý định của nhà ĐTN trong vùng: tài nguyên (0,112); lao động (0,216); thị trường (0,170); CNHT và công nghệ (0,111); CSHT (0,116); thể chế (0,253); môi trường quốc tế (0,178). Tầm quan trọng của từng quan sát trong mỗi nhân tố được đánh giá thông qua trọng số của nó trong phân tích EFA.

Bảng 2. Tóm tắt chỉ số mô hình

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của mô hình
1	,820 ^a	,673	,662	,55479

4. Thảo luận kết quả và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 7 nhóm nhân tố với 29 quan sát có ảnh hưởng đến ý định của nhà ĐTN trong vùng theo thứ tự quan trọng lần lượt là: thể chế; lao động; môi trường quốc tế; thị trường; CSHT; tài nguyên; CNHT và công nghệ. Tuy nhiên, 7 nhân tố này chỉ giải thích được 66,2% biến thiên của ý định đầu tư vào vùng, nên còn những yếu tố khác có ảnh hưởng, nhưng chưa được nghiên cứu bao quát hết trong mô hình hiện tại.

Vị trí địa lý vùng được xem là lợi thế nổi trội, nhưng không thể hiện trong kết quả nghiên cứu này, được lý giải rằng vị trí địa lý sẽ giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thị trường khu vực, thế giới và tiết giảm chi phí vận chuyển. Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình trải dài cùng với CSHT yếu kém nên ảnh hưởng của chúng đối với nhà đầu tư không rõ nét. Bên cạnh đó, môi trường văn hóa xã hội của vùng cũng có những đặc trưng riêng so với các vùng miền khác nhưng yếu tố này không thể hiện có lẽ do chưa nhiều

nhà ĐTN quan tâm đến yếu tố này khi đầu tư. Ngoài ra, môi trường chính trị là yếu tố nhạy cảm, có thể nhà đầu tư không thể hiện rõ quan điểm trong đánh giá của khảo sát này nên không thể hiện ở nghiên cứu. Môi trường kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng, nhưng không có ý nghĩa thống kê.

Với kết quả nghiên cứu này, để tăng cường thu hút FDI, vùng, cần cải thiện các yếu tố theo thứ tự ưu tiên lần lượt: thể chế; lao động; CSHT; CNHT và công nghệ; và khai thác sự thuận lợi môi trường quốc tế. Thị trường và tài nguyên là yếu tố phi chính sách, nhưng việc hoàn thiện và phát triển các yếu tố này sẽ tác động tích cực đến chúng. Chẳng hạn: phát triển hạ tầng sẽ khiến cho tiếp cận tài nguyên dễ dàng, chi phí thấp; phát triển nguồn nhân lực ảnh hưởng đến việc làm; thu nhập sẽ tác động đến yếu tố thị trường. Định hướng cải thiện như sau:

- **Hoàn thiện khung thể chế và cơ chế thực thi:** Yếu tố thể chế có ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định đầu tư vào vùng, nhưng các quan sát này được nhà đầu tư đánh giá ở mức trung bình và thấp. Do vậy, để tăng cường thu hút FDI, bên cạnh hoàn thiện hệ thống luật pháp liên quan đến hoạt động đầu tư, các lãnh đạo địa phương cần phải năng động, tiếp tục đẩy mạnh cải thiện thủ tục hành chính, có chính sách ưu đãi hợp lý về thuế, tiền thuê đất, hỗ trợ mặt bằng.

- **Phát triển nguồn nhân lực:** Yếu tố lao động được đánh giá cao ở khía cạnh chi phí, nhưng sự sẵn có lao động kỹ thuật và quản lý chất lượng cao được đánh giá rất thấp. Vì thế, cần tập trung nguồn lực để phát triển nguồn nhân lực, có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ tạo ra lợi thế lớn hơn nữa về lao động và kích thích dòng chảy FDI vào vùng.

- **Chính sách xúc tiến đầu tư:** Với khuynh hướng dịch chuyển FDI đến nền kinh tế chuyển đổi, từ Trung Quốc đến các nước Đông Nam Á, chính sách xúc tiến đầu tư, ngoài việc giúp nhà đầu tư tiết giảm chi phí thông tin, thuận lợi trong tương tác, cần phải khai thác triệt để cơ hội thuận lợi môi trường quốc tế về xu hướng dịch chuyển này và hạn chế tác động bất lợi từ khủng hoảng kinh tế thế giới thông qua chính sách lựa chọn dự án cần ưu tiên thu hút, chính sách lựa chọn nhà đầu tư và hoạt động tổ chức xúc tiến đầu tư.

- **Phát triển CSHT:** Yếu tố này không chỉ giúp nhà đầu tư tiết kiệm chi phí mà có tác động mạnh đến yếu tố tài nguyên, thị trường, bởi nó tạo điều kiện để nhà đầu tư dễ dàng khai thác tài nguyên (cảnh quan thiên nhiên) và thị trường (bị chia cắt do đặc thù địa hình), nhưng được đánh giá rất yếu kém, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng khu công nghiệp, nên cần phải tích cực đầu tư. Tuy nhiên, do nhu cầu đầu tư CSHT lớn, nên việc phát triển CSHT cần phải dựa trên sự kết hợp giữa tăng cường đầu tư của nhà nước với chính sách thu hút tư nhân, FDI đầu tư.

- **Phát triển CNHT:** Yếu tố này được đánh giá khá thấp, hơn nữa, với xu hướng toàn cầu hóa trong kinh doanh, CNHT tạo điều kiện để vùng thay đổi ngành, lĩnh vực thu hút FDI theo hướng tích cực. Vì thế, cần có chính sách để phát triển CNHT thông qua việc hình thành các cụm ngành công nghiệp, khu CNHT, thu hút FDI và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển CNHT, từ đó sẽ ảnh hưởng

tích cực đến dòng chảy FDI của vùng.

Tóm lại, nghiên cứu đã nhận diện và đo lường được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến ý định đầu tư, qua đó, gợi ý những chính sách cải thiện các yếu tố này để tăng cường thu hút FDI vào vùng. Tuy nhiên, quyết định địa điểm đầu tư, duy trì, mở rộng đầu tư thường xuất phát từ ban điều hành cấp cao (công ty mẹ), ban điều hành công ty con chỉ báo cáo tư vấn để hình thành ý định đầu tư. Hầu hết công ty khảo sát trong nghiên cứu này là công ty con, nên giá trị kết quả nghiên cứu cũng có hạn chế./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bevan, A., Estrin, S. & Meyer, K., "Foreign investment location and institutional development in transition economies", *International Business Review*, 13, 2004, pp.43-64.
- [2] Billington, N., "The location of foreign direct investment: an empirical analysis", *Applied Economics*, 31(1), 1999, pp.65-76.
- [3] Boermans, M. A., Toelfsma, H., & Zhang, Y., "Regional determinants of FDI in China: a factor-based approach", *Journal of Chinese economic and business studies*, 9(1), 2011, pp.23-42.
- [4] Brainard, S.L., "An empirical assessment of the proximity - concentration trade-off between multinational sales and trade", *The American Economic Review*, 87(4), 1997, pp.520-544.
- [5] Cheng, L. & Kwan, Y., "What are the determinants of the location of foreign direct investment? The Chinese experience", *Journal of International Economics*, (51), 2000, pp.379-400.
- [6] Don, A. W., *Determinant of the Factors Affecting Foreign Direct Investment Flow to Sri Lanka and Its Impact on the Sri Lankan Economy*, University of the Thai Chamber of Commerce, 2007.
- [7] Dupasquier, C. & Osakwe, P. N., "Foreign Direct Investment in Africa: Performance, Challenges, and Responsibilities", *Journal of Asian Economics*, 17(2), 2006, pp.241-260.
- [8] Fawaz, B., *Factors affecting foreign direct investment location in the petrochemicals industry, the case of Saudi Arabia*, Bbs doctoral symposium 23rd & 24th march 2009.
- [9] Hasnah, A., Sanep, A., & Rusnah, M., "Determinants Of Foreign Direct Investment Locations In Malaysia", *International Review of Business Research Papers*, 6(4), 2010, pp.101-117.
- [10] He, C., "Information costs, agglomeration economies and the location of foreign direct investment in China", *Regional Studies*, 36(9), 2002, pp.1029-1036.
- [11] Hyung, S. B., Hyung, H. L., & Cyn, Y. P., *Assessing External and Internal Factors Influencing Foreign Direct Investment in Emerging Countries: A Comparison between Mergers and Acquisitions and Greenfield Investment*, 2012.
- [12] Kang, S. J., & Lee, H. S., "The Determinants of Location Choice of South Korean FDI in China", *Japan and the world economy*, 19(4), 2007, pp.441-60.
- [13] Ksenia, G. & Philipp, M., "Natural resource or market seeking FDI in Russia? An empirical study of locational factors affecting the regional distribution of FDI entries", *IWH discussion papers*, 3, 2013.
- [14] Lê Tuấn Lộc và Nguyễn Thị Tuyết, "Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hải lòng của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài: trường hợp nghiên cứu điển hình tại Đà Nẵng", *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 11(21), 2013.
- [15] Nguyễn Mạnh Toàn, "Các nhân tố tác động đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một địa phương của Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, 5(40), 2010.
- [16] Yih, Y.Y. J., Groenewold, N., & Tcha, M., "Determinants of Foreign Direct Investment in Australia", *The Economic Record*, 76, (232), 2000, pp.45-54.
- [17] Zenegaw, A.H., "Demand side factors affecting the inflow of foreign direct investment to African countries: Does capital market matter?", *International journal of business and management*, 5(5), 2010.